TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
**VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Số: HĐ 27.26 /PKN-KHSS*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
# TEST REPORT

*(Kết quả chỉ có giá trị với mẫu đem kiểm nghiệm)*

1.Tên mẫu: Mẫu nước tại bể chứa nước sạch đã xử lý Xí nghiệp nước sạch Đại Từ, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên

2. Mã số mẫu: HĐ 27.26.9.21

3. Đơn vị/cá nhân gửi mẫu: Công Ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên - Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ

4. Ngày nhận mẫu: 24/9/2026

5. Số lượng mẫu: 01

6. Thời gian kiểm nghiệm: 24/9/2026 - 13/10/2026

7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa 1000ml, nắp kín.

8. Thời gian lưu mẫu: 10 ngày

9. Kết quả kiểm nghiệm:

| TT | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm | Đơn vị | Kết quả | Mức quy định theo QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Màu sắc | TCVN 6185:2008 | TCU | 2,54 | 15 |
| 2 | Mùi vị | Cảm quan | - | Mùi clo, không có vị lạ | Không có mùi vị lạ |
| 3 | pH* | TCVN 6492:2011 | - | 6,79 | 6,0-8,5 |
| 4 | Độ đục | TCVN 6184:1996 | NTU | 0,43 | 2 |
| 5 | Amoni* | TCVN 6179-1:1996 | mg/l | <0,005 | 1,0 |
| 6 | Chỉ số pecmangannat | TCVN 6491:1996 | mg/l | 0,67 | 2,0 |
| 7 | Clo dư | TCVN 6225-1:2012 | mg/l | 0,47 | 0,2-1,0 |
| 8 | Asen (As)* | TCVN 6626:2000 | mg/l | <0,001 | 0,01 |
| 9 | *Coliforms** | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100 ml | 0 | <1 |
| 10 | *E. coli** | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100 ml | 0 | <1 |

*Ghi chú:*

*- Viện Khoa học sự sống chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp.*
*- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.*
*- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS/ISO 17025/2017; Dấu (**) là chỉ tiêu sử dụng kết quả của nhà thầu phụ.*
*- Viện Khoa học sự sống không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.*
*- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Viện Khoa học sự sống.*

*Thái Nguyên, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

**ThS. Nguyễn Thế Cường**

**VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG**

VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN – TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

**KT. VIỆN TRƯỞNG**
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn

*Phòng Phân tích hóa học - Viện Khoa học sự sống*
*Trụ sở/ Địa chỉ tiếp nhận mẫu: Tổ dân phố 14, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*
*Điện thoại: 02083 753032 - Hotline: 0396 012 338*
*Email: ppthh2012@gmail.com - Website: http://tils.tuaf.edu.vn/*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
**VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Số: HĐ 27.26 /PKN-KHSS*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
# TEST REPORT

*(Kết quả chỉ có giá trị với mẫu đem kiểm nghiệm)*

1.Tên mẫu: Mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước -HGĐ Phan Ngọc Long, TDP Đình, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên

2. Mã số mẫu: HĐ 27.26.9.22

3. Đơn vị/cá nhân gửi mẫu: Công Ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên - Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ

4. Ngày nhận mẫu: 24/9/2026

5. Số lượng mẫu: 01

6. Thời gian kiểm nghiệm: 24/9/2026 - 13/10/2026

7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa 1000ml, nắp kín.

8. Thời gian lưu mẫu: 10 ngày

9. Kết quả kiểm nghiệm:

| TT | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm | Đơn vị | Kết quả | Mức quy định theo QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Màu sắc | TCVN 6185:2008 | TCU | 1,97 | 15 |
| 2 | Mùi vị | Cảm quan | - | Mùi clo, không có vị lạ | Không có mùi vị lạ |
| 3 | pH* | TCVN 6492:2011 | - | 6,99 | 6,0-8,5 |
| 4 | Độ đục | TCVN 6184:1996 | NTU | 0,24 | 2 |
| 5 | Amoni* | TCVN 6179-1:1996 | mg/l | <0,005 | 1,0 |
| 6 | Chỉ số pecmangannat | TCVN 6491:1996 | mg/l | 0,90 | 2,0 |
| 7 | Clo dư | TCVN 6225-1:2012 | mg/l | 0,46 | 0,2-1,0 |
| 8 | Asen (As)* | TCVN 6626:2000 | mg/l | <0,001 | 0,01 |
| 9 | *Coliforms** | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100 ml | 0 | <1 |
| 10 | *E. coli** | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100 ml | 0 | <1 |

*Ghi chú:*

*- Viện Khoa học sự sống chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp.*
*- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.*
*- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS/ISO 17025/2017; Dấu (**) là chỉ tiêu sử dụng kết quả của nhà thầu phụ.*
*- Viện Khoa học sự sống không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.*
*- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Viện Khoa học sự sống.*

*Thái Nguyên, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

**ThS. Nguyễn Thế Cường**

**VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG**

VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG – TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường

*Phòng Phân tích hóa học - Viện Khoa học sự sống*
*Trụ sở/ Địa chỉ tiếp nhận mẫu: Tổ dân phố 14, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*
*Điện thoại: 02083 753032 - Hotline: 0396 012 338*
*Email: ppthh2012@gmail.com - Website: http://tils.tuaf.edu.vn/*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
**VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Số: HĐ 27.26 /PKN-KHSS*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
# TEST REPORT

*(Kết quả chỉ có giá trị với mẫu đem kiểm nghiệm)*

1.Tên mẫu: Mẫu ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước -HGĐ Nguyễn Thị Bích Liên, TDP Cầu Thông, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên

2. Mã số mẫu: HĐ 27.26.9.23

3. Đơn vị/cá nhân gửi mẫu: Công Ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên - Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ

4. Ngày nhận mẫu: 24/9/2026

5. Số lượng mẫu: 01

6. Thời gian kiểm nghiệm: 24/9/2026 - 13/10/2026

7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa 1000ml, nắp kín.

8. Thời gian lưu mẫu: 10 ngày

9. Kết quả kiểm nghiệm:

| TT | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm | Đơn vị | Kết quả | Mức quy định theo QCVN 01-1:2024/BYT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Màu sắc | TCVN 6185:2008 | TCU | 1,14 | 15 |
| 2 | Mùi vị | Cảm quan | - | Mùi clo, không có vị lạ | Không có mùi vị lạ |
| 3 | pH* | TCVN 6492:2011 | - | 6,84 | 6,0-8,5 |
| 4 | Độ đục | TCVN 6184:1996 | NTU | 0,43 | 2 |
| 5 | Amoni* | TCVN 6179-1:1996 | mg/l | <0,005 | 1,0 |
| 6 | Chỉ số pecmangannat | TCVN 6491:1996 | mg/l | 0,00 | 2,0 |
| 7 | Clo dư | TCVN 6225-1:2012 | mg/l | 0,42 | 0,2-1,0 |
| 8 | Asen (As)* | TCVN 6626:2000 | mg/l | <0,001 | 0,01 |
| 9 | *Coliforms** | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100 ml | 0 | <1 |
| 10 | *E. coli** | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100 ml | 0 | <1 |

*Ghi chú:*

*- Viện Khoa học sự sống chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp.*
*- KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.*
*- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS/ISO 17025/2017; Dấu (**) là chỉ tiêu sử dụng kết quả của nhà thầu phụ.*
*- Viện Khoa học sự sống không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.*
*- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Viện Khoa học sự sống.*

*Thái Nguyên, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

**PHÒNG KIỂM NGHIỆM**

**ThS. Nguyễn Thế Cường**

**VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
VIỆN KHOA HỌC SỰ SỐNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn

*Phòng Phân tích hóa học - Viện Khoa học sự sống*
*Trụ sở/ Địa chỉ tiếp nhận mẫu: Tổ dân phố 14, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*
*Điện thoại: 02083 753032 - Hotline: 0396 012 338*
*Email: ppthh2012@gmail.com - Website: http://tils.tuaf.edu.vn/*